

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO Ở VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ MIỀN NÚI PHÍA BẮC NƯỚC TA¹

PGS.TS. Khổng Diễn
Hội Dân tộc học và Nhân học Việt Nam

Tóm tắt: Miền núi phía Bắc là một trong những vùng có nhiều dân tộc và cũng là nơi có nền văn hóa phong phú, đa dạng so với các vùng khác ở nước ta. Hơn nữa, ngoài các sinh hoạt tín ngưỡng truyền thống mà đại bộ phận người dân vẫn thực hành, đang có tình trạng gia tăng một bộ phận người dân các tộc người thiểu số ở miền núi phía Bắc chuyển sang và tin theo các tôn giáo được Nhà nước công nhận, nhất là Công giáo và Tin Lành. Đặc biệt, vẫn còn không ít người Hmông ở các tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Thái Nguyên... tin theo tổ chức bất hợp pháp là “đạo Dương Văn Minh”. Đây là vấn đề cần được các cấp các ngành ở Trung ương và địa phương quan tâm, đổi mới chính sách và tổ chức nhân sự ở hai hệ thống quản lý Nhà nước về dân tộc và tôn giáo để phù hợp hơn với tình hình mới.

Từ khóa: Tín ngưỡng, tôn giáo, vùng dân tộc thiểu số, miền núi phía Bắc.

Ngày nhận bài: 13/8/2018; ngày gửi phản biện: 28/8/2018; ngày duyệt đăng: 10/10/2018

Mở đầu

Miền núi phía Bắc là một trong những vùng có nhiều dân tộc nhất và cũng là nơi có nền văn hóa phong phú, đa dạng so với các vùng khác ở nước ta. Đây là một trong sáu vùng địa lý, kinh tế, xã hội, văn hóa của cả nước, gồm 14 tỉnh là Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Hòa Bình, Lào Cai, Yên Bái, Phú Thọ, Hà Giang, Tuyên Quang, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Cao Bằng, Lạng Sơn và Bắc Giang (Tổng cục Thống kê, 2015).

Hiện nay ở vùng miền núi phía Bắc, ngoài các sinh hoạt tín ngưỡng truyền thống mà đại bộ phận người dân vẫn thực hành, đã có không ít người dân các tộc người thiểu số chuyển sang và tin theo các tôn giáo được Nhà nước công nhận (nhất là Tin Lành, Công giáo) và một số tổ chức tôn giáo khác. Bài viết góp phần trình bày về một số đặc điểm tín ngưỡng, tôn giáo và những vấn đề đang đặt ra hiện nay đối với các dân tộc thiểu số ở vùng miền núi này.

1. Về đặc điểm tín ngưỡng truyền thống

Vùng miền núi phía Bắc hiện nay còn lưu giữ nhiều chứng tích về sự phát triển liên tục của các thời kỳ văn hóa khảo cổ học từ đồ đá giữa, đồ đá mới, đồ đồng, đồ sắt. Đặc biệt là văn hóa tộc người, từ văn hóa vật thể là các loại hình nhà ở như nhà sàn, nhà đất, nhà nửa sàn nửa đất; các loại phục sức

¹ Bài viết là kết quả của đề tài cấp Bộ “Nghiên cứu những tác động của tôn giáo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số các tỉnh miền núi phía Bắc nước ta hiện nay” do PGS.TS. Lê Bá Trình làm Chủ nhiệm.

như quần áo, váy, khăn, mũ, yếm, sà cạp, giày dép; đồ trang sức như chằm, hoa tai, các loại vòng, xuyên, dây chuyền, xà tích; các cấu trúc và loại hình làng bản, đến văn hóa phi vật thể như thần thoại, truyện cổ tích, dân ca, ca dao, tục ngữ, tín ngưỡng thờ cúng, các nghi lễ nông nghiệp, nghi lễ vòng đời,...

Văn hóa nông nghiệp, trồng cây trên ruộng, rẫy trong điều kiện khí hậu nhiệt đới gió mùa thể hiện khá đậm nét trong tiềm thức tâm linh, tín ngưỡng dân gian ở các tộc người. Các sinh hoạt diễn xướng có mặt ở nhiều nơi, song thường ở những khu vực tương đối đậm nét như: vùng *then* Tày và Nùng ở khắp các tỉnh Việt Bắc; vùng *mo* của người Mường ở Hòa Bình, Phú Thọ và Sơn La; vùng *chá* hay *chá chiêng* của người Thái ở Tây Bắc; vùng *xéc bùa* của người Mường và vùng *sli, lượn* của người Nùng... (Phạm Đăng Hiến, 2002). Ở góc độ lễ hội, có nhiều dân tộc tổ chức chung cho cả cộng đồng, tiêu biểu nhất là bốn lễ hội, gồm: *xên bản, xên mường* của dân tộc Thái và dân tộc Lào; *lễ nào xông hay nào lồng* ở dân tộc Hmông; *lễ lùng tùng* của các dân tộc nói ngôn ngữ Tày - Nùng và *lễ cấp sắc* của dân tộc Dao, Sán Diu.

Hầu như ở dân tộc nào cũng có các nghi lễ nông nghiệp gắn với quá trình sinh trưởng của cây lúa kể từ lúc gieo trồng đến khi thu hoạch, có thể cúng ở gia đình, dòng họ hoặc cúng chung cho cả làng bản. Khi gieo trồng có cúng đất, cúng rẫy (nếu canh tác nương rẫy), hay cúng xuống đồng, khai hạ (canh tác ruộng nước); nếu thấy cây lúa bị sâu bệnh hoặc bị các con vật phá hoại thì cúng trừ đạo ôn; khi cây lúa, cây ngô đã có hạt thì cúng kết hợp làm các bù nhìn cùng những vật dụng phát ra âm thanh để xua đuổi chim muông; lúc chuyển thóc vào kho, bỏ thì cúng kho thóc và trước đó là cúng cơm mới;... Những nghi lễ này chủ yếu được tổ chức ở các gia đình hoặc dòng họ, chỉ có một số lễ hội được tổ chức chung cho cả cộng đồng, làng bản.

Việc cúng bái liên quan đến các nghi lễ vòng đời của con người như khi người phụ nữ có thai, lúc sinh đẻ, đặt tên cho trẻ, ốm đau, cưới hỏi, mừng thọ, tang ma... ở dân tộc nào cúng có (trừ lễ mừng thọ chỉ có ở một số ít dân tộc). Tuy nhiên, về hình thức và cách thức tiến hành thì mỗi dân tộc, mỗi nhóm tộc người, mỗi địa phương có sự khác nhau. Trong đó, đáng chú ý là lễ “*cấp sắc*” ở một số dân tộc như Dao, Sán Diu, Sán Chay, Nùng, nhất là dân tộc Dao, hầu như nhóm địa phương Dao nào cũng tổ chức nghi lễ cấp sắc với nhiều mức độ khác nhau.

Đặc biệt, cho đến nay trong các dân tộc thiểu số ở miền núi phía Bắc vẫn tồn tại nhiều loại hình tín ngưỡng - tôn giáo sơ khai xuất hiện từ trong lòng xã hội nguyên thủy, như: *thờ cúng vật tổ* (tô tem), *các hiện tượng ma thuật, thờ bái vật giáo, thực hành sa man giáo*,... Trong đó, đáng chú ý nhất là hiện tượng lên đồng của thầy cúng, thực hành *sa man* ở người Hmông có quan hệ đặc biệt đến các vụ “xung vua” của một bộ phận người Hmông từ trước đến nay.

Như chúng ta đã biết, khởi nguồn của dân tộc Hmông có thể tính ngược trở lại thời “Cửu Lê”, “Tam Miêu” 4.000 - 5.000 năm trước. Khi đó Suy Vưu là thủ lĩnh của liên minh bộ lạc Cửu Lê, cho đến thời Nghiêu, Thuấn, Vũ đã hình thành liên minh bộ lạc gọi là “Tam Miêu” ở khu vực trung và hạ lưu sông Trường Giang thuộc Trung Quốc. Sau đó lại xảy ra nhiều cuộc chiến tranh với “Hoa Hạ”, vì bị thất trận nên đại bộ phận người Hmông phải di chuyển sang phía Tây và xuống phía Nam, cho đến thời kỳ Thương, Chu gọi là “Nam Man” và “Kinh Sở Man Di”. Người Hmông ở khu vực Giang Duy và Giang Hán đều bị Hán hóa, số người Miêu chuyển xuống Quý Châu ngày một tăng lên và trở thành trung tâm lớn nhất của người Hmông ở Trung Quốc. Sau đời nhà Nguyên, Nhà nước Trung

Quốc tăng cường khống chế, trấn áp, o ép người Hmông buộc họ phải chuyển cư từ Quý Châu xuống Vân Nam và các nước ở khu vực Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam vào thế kỷ XVII – XVIII.

Như vậy, có thời kỳ người Hmông đã kiểm soát được một phần khá lớn lãnh thổ của Trung Quốc thuộc các tỉnh Hồ Bắc, Hồ Nam, Quý Châu, Quảng Tây và lập thành vương quốc riêng. Nhưng sau đó nổ ra chiến tranh khốc liệt giữa người Hán với người Hmông. Cuối cùng, người Hmông bại trận, vương quốc Hmông bị diệt vong. Ông vua cuối cùng của người Hmông trước khi bị người Hán giết chết đã để lại lời nguyện: một nghìn năm sau ta sẽ tái sinh và làm cho người Hmông được sung sướng, người Hmông sẽ có tổ quốc riêng. Vì thế, hoạt động tự trị, ly khai của người Hmông ở bất kỳ đâu, luôn diễn ra dưới chiêu bài “xung vua”, “đón vua” hay “vua xuất” (Nguyễn Văn Minh, 2018).

Từ năm 1954 đến năm 1986, tức đến khi Nhà nước ta thực hiện công cuộc đổi mới, ở nước ta đã có 23 vụ “xung vua” thuần túy của người Hmông, do lợi dụng tín ngưỡng để trục lợi cá nhân. Trong đó, có những vụ gây chết nhiều người, tàn sát gia súc, gia cầm, phá hoại hoa màu, có vụ trở thành bạo loạn. Chẳng hạn như: ở huyện Pù Nhi, tỉnh Thanh Hóa năm 1956; ở huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La năm 1957 làm 90 người chết do nhảy từ núi đá xuống và tập bay để theo vua; riêng ở huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An năm 1963 đã giết và làm bị thương gần 90 người;... Tất cả các cuộc “xung vua” đều có đặc điểm chung là tuyên truyền ngày tận thế sắp tới, tạo tâm lý chờ đợi sẽ có Vua và tổ chức đón Vua để tránh và thoát được ngày tận thế. Người cầm đầu tổ chức cúng bái, đặt ra các kiêng kỵ, giết các loại gia súc, gia cầm, nhất là những con vật có lông màu trắng, từ bỏ các phong tục tập quán và nghi lễ truyền thống mà theo họ là rườm rà và tốn kém. Đặc biệt, có nhiều vụ đã tổ chức lực lượng riêng, giải tán chính quyền cơ sở, giết cán bộ, kể cả cán bộ người Hmông không tuân theo họ. Những người “xung vua” thường là mù chữ hoặc có trình độ học vấn rất thấp, chỉ lớp 1 - 2 phổ thông, có người bị tàn tật hoặc đã trải qua một trận ốm “thập tử nhất sinh”, là các thầy cúng, sa man,...

2. Các tôn giáo hiện nay

Hiện nay, Nhà nước ta đã công nhận 14 tôn giáo trong cả nước, đó là: Phật giáo, Công giáo, Hòa Hảo, Hồi giáo, Cao đài, Minh sư đạo, Minh lý đạo, Tin Lành, Tịnh hội cư sỹ Phật giáo, Tứ ân hiếu nghĩa, Bửu sơn kỳ hương, Bà Há i, Bà la môn. Ở vùng miền núi phía Bắc nước ta có tới 13/14 tôn giáo, nhưng đông nhất là Công giáo, Tin lành và Phật giáo (xem *Biểu 1*). Trong đó, Phật giáo phần lớn có ở vùng dân tộc Kinh, còn ở vùng các dân tộc thiểu số trong những năm gần đây phát triển mạnh đạo Tin lành và Công giáo.

Như vậy, xét trong toàn vùng thì người theo Công giáo là đông nhất - 250.438 người, thứ hai là Tin lành - 126.766 người và thứ ba là Phật giáo - 25.976 người. Nếu xét về từng dân tộc với từng tôn giáo không kể dân tộc Kinh (không phải đối tượng nghiên cứu của bài viết này) thì: 1) Về Tin lành, dân tộc có nhiều người theo nhất là Hmông - 114.701 người, tiếp đến là Dao - 10.708 người, Nùng - 365 người, Sán Chay - 280 người; 2) Về Công giáo, dân tộc Hmông - 9.765 người, Mường - 4.999 người, Nùng - 349 người, Dao - 226 người, Sán Chay - 159 người. Sở dĩ người dân các dân tộc thiểu số trong vùng tin theo Công giáo và Tin lành với số lượng ngày càng đông là có nhiều nguyên nhân, trong đó có cả các nguyên nhân khách quan và chủ quan.

Biểu 1: Dân số chia theo tôn giáo ở vùng miền núi phía Bắc theo thứ tự tôn giáo có từ nhiều đến ít tín đồ

(Đơn vị tính: Người)

STT	Tôn giáo	Tổng số	Nam	Nữ
	Tổng số	11.053.590	5.506.608	5.546.982
	Công giáo	250.438	122.943	127.495
	Tin lành	126.766	62.991	63.775
	Phật giáo	25.976	6.853	19.123
	Hồi giáo	183	85	98
	Phật giáo Hòa hảo	31	15	16
	Cao Đài	26	14	12
	Tứ ân hiếu nghĩa	19	9	10
	Minh lý đạo	17	8	9
	Minh sư đạo	7	4	3
	Bửu sơn kỳ hương	3	2	1
	Bà Há i	2	1	1
	Tứ ân hiếu nghĩa	1	0	1
	Bà la môn	1	1	0
	Không tôn giáo	10.650.013	5.313.637	5.336.376
	Không xác định	107	45	62

Nguồn: Tổng cục Thống kê năm 2010.

- *Đối với Công giáo:* Vào những năm đầu thập niên 80 của thế kỷ XIX thực dân Pháp đặt chân đến và đánh chiếm một số nơi ở miền núi phía Bắc Việt Nam, nhưng bị nghĩa quân của các dân tộc Hmông, Dao, Kinh đánh trả quyết liệt, những lần tiến đánh là những lần thực dân Pháp phải chịu thất bại, nhiều sỹ quan và binh lính phải bỏ mạng buộc họ phải thay đổi sách lược, vừa dùng sức mạnh quân sự, vừa dụ dỗ mua chuộc các thủ lĩnh, trưởng các dòng họ của người Hmông, áp dụng kinh nghiệm và kiến thức về dân tộc học và tôn giáo học của giáo sĩ. Cụ thể như đại úy F. Savina đã lợi dụng các cuộc “xung vua” của người Hmông để “Hmông hóa” giáo lý của Công giáo cho phù hợp với tập quán, tư duy và trình độ của người Hmông, đồng nhất Chúa Giêsu với Vua của đồng bào nên được nhiều người tin theo. Năm 1921, một người Hmông tên là Mã A Thông ở xã Hầu Thào, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai chấp nhận cải đạo; sau đó Thông đã thuyết phục được Lò A Tính ở xã Lao Chải cùng địa bàn đi theo. F. Savina, khi có Mã A Thông và Lò A Tính trợ giúp đã thuyết phục thêm được 5 gia đình Hmông ở địa phương theo đạo. Tiếp theo, họ đã thuyết phục được 33 gia đình Hmông trong tỉnh Lào Cai đi theo, đồng thời tiến hành truyền giáo sang huyện Trạm Tấu của Yên Bái, xây dựng nhà thờ tại xã Phình Hồ,... (Thào Xuân Sùng (Chủ biên), 2009). Đó là giai đoạn khởi đầu truyền Công giáo vào vùng dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc nước ta nói chung và đồng bào dân tộc Hmông nói riêng.

- *Đối với Tin Lành:* Vào thập niên 30 của thế kỷ XX, Hội truyền giáo Tin lành (CMA) và Hội thánh Tin lành Việt Nam bắt đầu truyền giáo lên vùng đồng bào các dân tộc thiểu số miền núi miền Bắc, nhưng cũng rất khó khăn. Đến năm 1954, ở Tây Bắc có dân tộc Hmông và Mường, ở Đông Bắc chủ yếu là một nhóm người Dao, mỗi dân tộc có một số ít người theo Tin lành. Những năm tiếp theo, Tin lành ở vùng núi phía Bắc cũng như cả nước ta nói chung không phát triển, thậm chí là khô đạo.

Sau đó, cũng như Công giáo trước đây, Tin lành đã lợi dụng được các tín ngưỡng - tôn giáo truyền thống và lễ hội, tập tục của các dân tộc, nhất là những cuộc “xung vua” của người Hmông để truyền đạo, bằng việc tạo ra một hiện tượng tôn giáo mới có tên gọi là “Vàng Chứ” và tuyên truyền qua đài phát thanh FEBC (đài truyền giáo “Nguồn sống” từ Manila, Philippines). Đài này phát bằng tiếng Hmông rất rõ ràng, rành mạch về lịch sử huy hoàng nhưng bi thương trong quá khứ và cuộc sống cực khổ của người Hmông từ khi mất nước, luận điểm đó đã chinh phục được tình cảm thiêng liêng của một bộ phận người dân Hmông không chỉ ở nước ta. Rồi đài ấy nói đến đáng cứu thế, vị cứu tinh của dân tộc Hmông là “Vàng Chứ”, nói về Chúa Giêsu, cho Giêsu là con của Vàng Chứ, ai theo “Vàng Chứ” thì phải theo Giêsu và ngược lại. Về phía Tin lành, đây là một tôn giáo cách tân, giáo lý, giáo lễ đơn giản, cho rằng Tin lành tôn trọng quyền tự do cá nhân của con người, Chúa chỉ cần niềm tin, cái tâm của con người đối với Chúa, hơn nữa Tin lành cũng bắt đầu tìm đường, tìm lối mở rộng “đất chúa” lên vùng cao, vùng người Hmông đầy khó khăn nhưng luôn mong mỏi được đổi đời. Hai quan điểm đó gặp nhau, lại có sự hoạt động tích cực của những người truyền đạo nên thời gian qua Tin lành ở miền núi phía Bắc nói riêng và trên phạm vi cả nước ta nói chung phát triển nhanh chóng. Khi “Vàng Chứ” bị phê phán do hoạt động “mê tín dị đoan” trái phép, một số người đã chuyển đạo sang Công giáo, nhưng dần dần họ nhận thấy Tin lành phù hợp hơn nên lại trở về với Tin lành, làm cho tín đồ Tin lành ngày càng đông lên một cách bất thường.

Một trong những nguyên nhân khiến người dân các dân tộc thiểu số ở miền núi phía Bắc đến với các tôn giáo, nhất là Công giáo và Tin lành trong những năm gần đây là do đời sống kinh tế - xã hội khó khăn. Một số dân tộc có thu nhập bình quân nhân khẩu/tháng rất thấp như: Mảng - 436,3 ngàn đồng; Khơ-mú - 511,7 ngàn đồng; Lô Lô - 533,3 ngàn đồng; La Hủ - 557,0 ngàn đồng; Hmông - 575,2 ngàn đồng; La Chí - 576,5 ngàn đồng... Trong khi đó, có những dân tộc thu nhập lại khá cao, như Hoa - 2.933,4 ngàn đồng; Ngái - 1.716,8 ngàn đồng (Tổng cục Thống kê và Ủy ban Dân tộc, Điều tra kinh tế - xã hội 53 dân tộc thiểu số năm 2015). Đây là yếu tố làm cho sự chênh lệch về đời sống kinh tế giữa các dân tộc và địa phương ngày càng dãn cách. Chẳng hạn, tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh Điện Biên là 40% thì ở các tỉnh Bắc Kạn, Lạng Sơn và Thái Nguyên tỷ lệ này chỉ lần lượt là 14,7%, 16,9% và 17,3%. Từ đó ảnh hưởng đến tâm tư, nguyện vọng của người dân các dân tộc thiểu số, đồng bào muốn đổi đời, bỏ đi những phong tục tập quán, tín ngưỡng tôn giáo truyền thống để theo các tôn giáo mới.

Sự thấp kém về trình độ học vấn và không có điều kiện để thụ hưởng văn hóa tiên tiến của các dân tộc anh em cũng như của nhân loại, làm cho một số người trong các dân tộc thiểu số nơi đây, mặt mặt khó khăn trong việc tiếp nhận các chủ trương chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước, mặt khác dễ dàng nghe và làm theo âm mưu thâm độc của các thế lực thù địch chống lại lợi ích chung của dân tộc - quốc gia. Cùng với đó, đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc, tín ngưỡng tôn giáo và chính quyền các cấp, nhất là cấp cơ sở và thôn bản, trình độ chuyên môn và quản lý có hạn, nơi thì buông lỏng quản lý, nơi thì o ép, cấm đoán bằng những biện pháp hành chính không phù hợp với chính sách về tín ngưỡng tôn giáo của Nhà nước, làm cho một bộ phận những người theo đạo phản ứng. Ngược lại với cách làm của một số cán bộ chính quyền ở một số địa phương, những người đứng đầu và hoạt động truyền đạo trái phép lại có những kế hoạch làm việc một cách bài bản, dân tộc hóa, địa phương hóa các giáo luật, giáo lý của Tin Lành, nhưng lại chiếm được tình cảm, lòng tin của một bộ phận người dân các dân tộc, làm cho số người theo đạo hoặc cải đạo ngày càng gia tăng.

Về phía Nhà nước, trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, giao lưu, hội nhập quốc tế, xuất hiện nhiều yếu tố trên mọi lĩnh vực mới, kể cả nội sinh và từ bên ngoài du nhập vào. Song, chúng ta lại chưa có những chính sách kịp thời và những biện pháp xử lý hữu hiệu, hoặc có nhiều chính sách nhưng lại manh mún, thiếu nhất quán, nhất là trong lĩnh vực dân tộc và tôn giáo, xóa bỏ cái cũ nhưng lại chưa xây dựng cái mới thay thế, hoặc cái mới đưa ra chưa hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng, tâm lý của người dân. Tình trạng này làm cho Công giáo và Tin lành ngày càng phát triển, lan rộng trong vùng miền núi phía Bắc nói riêng và trong cả nước nói chung.

3. Một số vấn đề tôn giáo hiện nay

Nhìn chung, đội ngũ chức sắc, chức việc và các tín đồ Công giáo đã thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta cũng như những qui định của Ủy ban đoàn kết Công giáo Việt Nam, thể hiện qua các phong trào như “Xây dựng họ đạo tiên tiến, giáo dân tiêu biểu”, “Xây dựng đời sống khu dân cư tốt đời đẹp đạo”,... Đa số gia đình giáo dân đạt danh hiệu “gia đình văn hóa”, thôn làng của đồng bào đạt danh hiệu “làng văn hóa”,... Tuy nhiên, cũng còn tồn tại một số vấn đề nổi cộm, gây bức xúc trong xã hội, như: ở một số nơi giáo dân tự hiến đất và nhà ở để làm nơi thờ tự, giáo hội tự ý xây dựng nơi thờ tự không theo các qui định của Nhà nước và chính quyền địa phương, đưa người ngoài đến thực hành mục vụ ở địa phương khi chưa được phép của chính quyền sở tại, tự ý đưa người đi học giáo lý và giáo lễ không báo cáo các cấp có thẩm quyền, không thực hiện hoặc thực hiện chưa nghiêm một số chính sách của Nhà nước như chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình,... (Hồ Tuấn Dung, 2004). Tình trạng này diễn ra từ nhiều năm trước nhưng nay vẫn tồn tại.

Về Tin lành, trong thời gian qua tôn giáo này phát triển rất nhanh, nhưng việc đăng ký điểm nhóm hoạt động với cơ quan quản lý Nhà nước rất ít, chẳng hạn ở Cao Bằng số đăng ký hoạt động chỉ chiếm 42,6%. Có một số điểm nhóm đã đăng ký với địa phương nhưng lại vi phạm cam kết, coi nói nhà riêng để sinh hoạt đạo, xây dựng nhà ở của gia đình nhưng lại thiết kế xây dựng theo mô hình nhà nguyện.

Riêng về cái gọi là “đạo Dương Văn Minh”, trước đây ta cho đó là “tà đạo” và nay khẳng định đó là tổ chức bất hợp pháp, đang là vấn đề nhức nhối ở một số tỉnh khu vực Đông Bắc. Dương Văn Minh phiên âm ra tiếng Việt là Giảng Sông Mênh, người dân tộc Hmông, sinh năm 1961 tại huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng, có trình độ học vấn lớp 1/10; năm 1979 chuyển cư về xóm Ngòi Sen, xã Yên Lâm, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, và đến tháng 8 năm 1989 tổ chức tiến hành “xưng Vua”. Sau nhiều ngày lẫn lộn vật vã như điên dại, nói lảm nhảm những từ như *vex chwrr ntu* (Chúa trời), *chur Zil surv* (Chúa Giêsu) do nghe được qua đài FEBC mà trong ngôn ngữ Hmông không có những từ đó, khiến người Hmông ở địa phương cho rằng những động thái của Minh là điều thường diễn ra ở người Hmông khi mới bước vào nghề thầy mo (điên nghề mo). Với khát vọng đổi đời, nhiều người Hmông trong vùng từ nghi ngờ, bán tín bán nghi, nhưng mong được tự do sung sướng đã tin theo lời nói và việc làm của Dương Văn Minh. Y tự xưng là con của “Chúa trời”, thừa mệnh Chúa xuống giao giảng, thuyết phục người Hmông theo cái gọi là “đạo Dương Văn Minh”. Minh tuyên bố ai muốn có cuộc sống sung sướng thì phải tin, làm theo và phục tùng y, mà trước tiên phải từ bỏ ngay việc thờ cúng tổ tiên, phá bỏ ngay bàn thờ tổ tiên, loại bỏ các tập quán và nghi lễ truyền thống, vì cho rằng đó là những tập quán lạc hậu, cổ hủ. Những ai muốn “lên trời” phải thôi lao động sản xuất, học hành, có gia súc, gia cầm phải giết mổ ăn hết, phải vứt bỏ và xé rách những quần áo mới và đẹp, có đồ trang sức cũng phải bỏ hết,... Thực tế đó đã đẩy một số người Hmông nhẹ dạ, mơ

hồ về nhận thức trở thành “tín đồ” của Minh, nhiều gia đình rơi vào cảnh tan cửa nát nhà. Thấy được những tác hại do Dương Văn Minh gây ra, năm 1990 Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tuyên (gồm Hà Giang và Tuyên Quang hiện nay) tuyên phạt Dương Văn Minh 5 năm tù giam về tội hành nghề “mê tín dị đoan” và lừa đảo chiếm đoạt tài sản công dân. Sau khi mãn hạn tù, Dương Văn Minh lại “ngựa theo đường cũ”, nhưng lần này y đã biết rõ hơn về Tin lành và nhận ra rằng chỉ có tôn giáo này mới phù hợp với tâm lý, tính cách của người Hmông. Do đó, Dương Văn Minh đã lập ra một “thể đạo mới” cho người Hmông là “đạo Nhà đôn” và Dương Văn Minh tự xưng là “Chúa con”, tổ chức này đã lôi kéo được khá nhiều người Hmông theo tổ chức bất hợp pháp này. Hiện nay, theo Nguyễn Mạnh Quang (2017), vùng miền núi phía Bắc có 6.613 người theo tổ chức của Dương Văn Minh, trong đó: Thái Nguyên là 174 hộ/880 người, Bắc Kạn - 109 hộ/567 người, Cao Bằng - 389 hộ/2.218 người, Tuyên Quang - 488 hộ/2.948 người,... Tổ chức này có nhiều hoạt động trái pháp luật như đe dọa, ép buộc một số người trong tổ chức không nhận thẻ cử tri, không đi bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021. Ở các địa phương trong vùng, người đi theo tổ chức của Dương Văn Minh đã có 641 hộ/1.863 người không đi bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp tổ chức ngày 22/5/2017.

Rõ ràng, những việc làm của tổ chức bất hợp pháp do Dương Văn Minh cầm đầu từ năm 1989 đến nay đã gây chết người, đình trệ sản xuất, phá hoại tình đoàn kết thống nhất giữa các dân tộc,... Khi chính quyền các địa phương vận động xóa bỏ “đạo Nhà đôn”, không được dựng bia tượng trưng là những cán bộ, đảng viên ở địa phương để tập bắn thì họ phản ứng quyết liệt, tổ chức gây rối, vu cáo chính quyền địa phương đánh người, xâm phạm quyền tự do tôn giáo, tín ngưỡng lên Ủy ban nhân dân huyện, tỉnh và các cơ quan trung ương, tuyên truyền cung cấp thông tin sai lệch để các tổ chức phản động trong và ngoài nước vu cáo Nhà nước Việt Nam vi phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo, vi phạm nhân quyền... (Khổng Diễn, 2018).

Về ý đồ thành lập “Vương quốc Hmông” gắn với “Tin lành Vàng chú” đã được các đối tượng cầm đầu thực hiện một cách quyết liệt. Gần đây nhất là họ đã tuyên truyền sâu rộng trong cộng đồng người Hmông, chủ yếu là các tín đồ theo Tin lành để gây ra vụ tập trung đông người tổ chức gây rối ở “Mường Nhé” ngày 2 tháng 5 năm 2011 với danh nghĩa “đón vua”, “xung vua”, nhưng thực chất là tiến hành bạo loạn có vũ trang để lập “Vương quốc Hmông” riêng (Nguyễn Văn Minh, 2018).

4. Một số kiến nghị thay lời kết

Đảng và Nhà nước cần đầu tư thỏa đáng về mọi mặt: kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, y tế... cho đồng bào các dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc nói riêng và trong cả nước nói chung. Thực trạng đời sống của đồng bào quá thấp kém (qua các số liệu thống kê đã dẫn) có ảnh hưởng sâu sắc đến tư tưởng, tình cảm và tâm lý của người dân. Khát vọng đổi đời luôn tiềm ẩn trong tâm lý và thường trực trong hành động của số đông những người nghèo. Một khi khoảng cách giàu nghèo giữa các dân tộc ngày càng lớn và quá bất hợp lý thì không thể nói đến công bằng, dân chủ và đoàn kết các dân tộc.

Cần đổi mới, trước tiên là chính sách, sau đó là tổ chức nhân sự ở hai hệ thống quản lý Nhà nước về dân tộc và tôn giáo. Chính quyền cơ sở, nhất là những người làm công tác dân tộc và tôn giáo phải được đào tạo và đào tạo lại để nắm vững các kiến thức về dân tộc và tôn giáo cũng như

những chủ trương chính sách, pháp luật của Nhà nước về hai lĩnh vực này. Đặc biệt là Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo mới được Quốc hội thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2018.

Người dân các dân tộc thiểu số ở miền núi cũng như các tín đồ tôn giáo ở các địa phương miền núi phải luôn được xác định là chủ nhân, chủ thể của đất nước Việt Nam, của cộng đồng các dân tộc Tổ quốc Việt Nam và những vùng đất đai mình đang sinh sống. Cùng với việc tăng cường sự hiểu biết về các chủ trương chính sách của Nhà nước, phải luôn luôn đề cao cảnh giác, chống lại những hoạt động của các thế lực thù địch, lợi dụng các vấn đề về dân tộc và tôn giáo để chống phá Nhà nước và nhân dân Việt Nam. Có chính sách và phần thưởng xứng đáng cho những người tiêu biểu, có uy tín, có công hiến kể cả các chức sắc tôn giáo để động viên họ tích cực xây dựng cuộc sống “tốt đời đẹp đạo”.

Đối với các thế lực thù địch chống phá Đảng, Nhà nước và chế độ ta dưới danh nghĩa dân tộc và tôn giáo mà thực chất là vu cáo chế độ ta, kích động quần chúng nhân dân thì phải cực lực lên án, vạch trần những thủ đoạn của họ cho chính người dân, nhất là người dân các dân tộc thiểu số nhận thức ra. Trên cơ sở đó, hướng dẫn, tổ chức cho nhân dân tố giác, phản bác lại bằng nhiều hình thức, biện pháp khác nhau. Đồng thời, có phần thưởng xứng đáng cho những người dân có công trong việc phát hiện, tố giác những việc làm sai trái trong lĩnh vực dân tộc và tôn giáo.

Tài liệu tham khảo

1. Khổng Diễn (2018), “Về thực trạng kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh khu vực biên giới Đông Bắc nước ta”, trong: Kỷ yếu Hội nghị Khoa học quốc gia năm 2017 *Một số vấn đề về dân tộc, tộc người ở vùng biên giới và liên xuyên biên giới nước ta hiện nay*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Hồ Tuấn Dung (2004), *Công tác tôn giáo ở vùng đồng bào Công giáo tỉnh Yên Bái trong quá trình hội nhập và phát triển*, Báo cáo tham luận tại Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần II tại Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Hà Văn Tăng, Trương Thìn (Chủ biên, 1999), *Tín ngưỡng - Mê tín*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội.
4. Phạm Đăng Hiến (2002), *Khái quát về dân số, dân cư và văn hóa tín ngưỡng truyền thống các dân tộc thiểu số (Chuyên đề phục vụ Đề án tôn giáo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ)*, Tư liệu lưu trữ tại Thư viện Viện Dân tộc học, Hà Nội.
5. Nguyễn Văn Minh (2018), “Về “Vương quốc Hmông” và vấn đề ly khai, tự trị của người Hmông trong lịch sử và hiện tại”, trong: Kỷ yếu Hội nghị Khoa học quốc gia năm 2017 *Một số vấn đề về dân tộc, tộc người ở vùng biên giới và liên xuyên biên giới nước ta hiện nay*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Nguyễn Mạnh Quang (2017), *Một số giải pháp vận động đồng bào theo đạo Tin lành ở các tỉnh miền núi phía Bắc*, Tài liệu lưu trữ tại Ban Dân tộc, Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
7. Thảo Xuân Sùng (Chủ biên, 2009), *Dân tộc Mông ở Sơn La với giải quyết vấn đề tín ngưỡng tôn giáo hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. Tổng cục Thống kê (2010), *Kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở 01/04/2009*, Vụ Thống kê dân số và lao động, Hà Nội.
9. Tổng cục Thống kê (2015), *Kết quả điều tra kinh tế - xã hội 53 dân tộc thiểu số năm 2015*, trên trang: <http://www.cema.gov.vn>.